TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 29 - 8 - 2019
V/v: chị Th ly hôn anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Quang;

Ông Trần Văn Trang

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc " Ly hôn, nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th – sinh năm 1978
Địa chỉ: xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Đinh Văn T – sinh năm 1973.
Địa chỉ: xóm 10B, xã X, huyện X , tỉnh Nam Định

(Tại phiên tòa: Chị Th có mặt; anh T vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh văn T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 29/01/1999. Trong cuộc sống vợ chồng dần phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân là anh T không quan

tâm đến gia đình, vợ con. Gia đình hai bên cũng khuyên bảo nhưng vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đinh Nhật H sinh ngày 13/02/1999; Đinh Thị M sinh ngày 17/02/2003; Đinh Thị Phương U sinh ngày 09/4/2009. Hiện cháu H đã trưởng thành lao động tự lập. Cháu M và cháu U đang ở với chị. Chị xin nuôi cháu M và cháu U, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn là anh Đinh Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có bản tự khai và trình bày tại phiên hòa giải là anh và chị Th kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 29/01/1999. Nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị Th trình bày là anh ít quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị Th xin ly hôn anh không nhất trí vì anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Th đối với anh Đinh Văn T; Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Đinh Thị M cho anh T nuôi dưỡng, giao con chung Đinh Thị Phương U cho chị Th nuôi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Đinh Văn T kết hôn có đăng ký tại UBND xã X nên là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh Tấn không quan tâm đến gia đình, vợ con. Nay chị Th xin ly hôn, anh T đã có bản khai, tham gia phiên tiếp cận, kiểm tra việc giao nộp, công khai tài liệu chứng cứ và phiên hòa giải nhưng không ký văn bản rồi

bỏ về. Tòa án báo gọi nhưng không đến nữa, nếu anh thiết tha đoàn tụ thì phải hợp tác cùng Tòa án để có điều kiện hòa giải thuyết phục chị Th đoàn tụ, điều này chứng tỏ anh T không còn thiết tha cuộc sống vợ chồng với chị Th. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Th đối với anh Đinh Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Anh T và chị Th có 03 con chung là Đinh Nhật H sinh ngày 13/02/1999; Đinh Thị M sinh ngày 17/02/2003; Đinh Thị Phương U sinh ngày 09/4/2009. Hiện cháu H đã trưởng thành lao động tự lập. Cháu M và cháu U đang ở với chị, các cháu đều có nguyện vọng ở với chị Th. Chị xin nuôi cháu M và cháu U do anh không quan tâm đến con cái, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh T thừa nhận không quan tâm đến gia đình vợ con. Mặt khác xét thấy các cháu đều là con gái nên để chị Th nuôi dưỡng sẽ tốt hơn nên chấp nhận đề nghị của chị Th.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, điều chỉnh.

[5] Về án phí: chị Trần thị Th phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trần thị Th và anh Đinh Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Đinh Thị M sinh ngày 17/02/2003; Đinh Thị Phương U sinh ngày 09/4/2009 cho chị Th tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Đinh Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001534 ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

4. Chị Trần Thị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đinh Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh